TÒA ÁN N DÂN **KHU VỰC 1 - Đ N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 25-7-2025

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN KHU VỰC 1 - Đ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm N dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hạnh;

2/ Bà Phạm Thị Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dung, cán bộ TAND khu vực 1 - Đ N.

- Đại diện VKS N dân khu vực 1- Đ N, tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án N dân khu vực 1 - Đ N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/ TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

LÊ HUY N, sinh năm 1997, tại Đ N; Nơi đăng ký thường trú: Số 104B, Khu phố 5, phường T D, thành phố B H, Đ N (Nay là phường TB, tỉnh Đ N); Nơi cư trú: ấp Bình Ý, xã T B, huyện V C, tỉnh Đ N (Nay là phường T T, tỉnh Đ N); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang H, sinh năm 1972 và bà Voòng Vĩnh L, sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 26/4/2024, bị Tòa án N dân thành phố B H, tỉnh Đ N xử phạt 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 11/3/2025. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Huy N thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2022 đến nay và mua ma túy của một nam thanh niên tên "Hiếu" (không rõ N thân, lai

lịch) để sử dụng.

Khoảng 13 giờ ngày 11/3/2025, N thuê xe ôm đi đến khu vực gần Giáo xứ Lộ Đức thuộc phường T H, thành phố B H (nay là phường H N, tỉnh Đ N) để gặp H mua ma túy. Tại đây, Hu bán 01 (một) gói nylon được hàn kín hai đầu, bên trong chứa ma túy cho N với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Sau đó, N để số ma túy trên vào trong vỏ bao thuốc lá hiệu "Sài Gòn bạc" rồi thuê xe ôm để về nhà tại xã T B, huyện V C, tỉnh Đ N (nay là phường T T, tỉnh Đ N). Khoảng 14 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại cho anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1996, ngụ tại khu phố 2, phường Q V, TP.B H (nay là phường T B, tỉnh Đ N) nói anh T đến nhà đón N đi uống nước thì anh T đồng ý. Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Satria, biển số 60F2-805.51 đến đón N rồi chạy xe đến khu vực thuộc phường Trung Dũng, TP. B H(nay là phường T B, tỉnh Đ N) để uống nước. Đang đi trên đường thì N nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên đã hỏi mượn xe mô tô của anh T để đi công việc thì anh T đồng ý. Sau đó, anh T chạy xe về nhà tại phường Q V (nay là phường T B) và giao xe biển số 60F2-805.51 cho N. Lúc này, N kẹp bao thuốc lá vào gác ba ga của xe rồi điều khiển xe mô tô đi tìm địa điểm để sử dụng ma túy. Đến khoảng, 15 giờ cùng ngày, khi N đi đến đoạn đường thuộc tổ 3, khu phố 4, phường T N (nay là phường T B, tỉnh Đ N) thì bị công an phường T N kiểm tra hành chính và phát hiện N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an phường T N đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N và chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon được hàn kín, chứa chất màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei: 869802062576177; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, biển số 60F2-805.51.

Tại bản kết luận giám định số 420/KL-KTHS ngày 18/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đ N kết luận: "Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3242 gam, loại: Methamphetamine".

Tại Cáo trạng số 451/CT-VKSBH ngày 27/6/2025 Viện kiểm sát N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đ N (Nay là Viện kiểm sát N dân khu vực 1 – Đ N) đã truy tố bị cáo Lê Huy N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân khu vực 1 – Đ N giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Huy N về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Huy N từ 01 (Một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (Một) năm 08 (tám) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 420/KL-KTHS; Trả lại 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei: 869802062576177 cho Lê Huy N do không liên quan đến vụ án.

Về án phí: Đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào ngày 11/3/2025, Lê Huy N có hành vi tàng trữ trái phép 0,3242 gam ma túy, loại: Methamphetamine tại khu vực thuộc tổ 3, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa (nay là phường Trấn Biên, tỉnh Đ N) thì bị bắt quả tang để xử lý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước và gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Việc tàng trữ trái phép chất ma túy là nguyên N dẫn đến những thiệt hại về T sản, là nguồn lây lan nhiều căn bệnh nguy hiểm, là nguyên N gia tăng các loại tội phạm về hình sự. Vì vậy cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Lê Huy N tàng trữ 0,3242 gam ma túy, loại: Methamphetamine. Bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm N thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo nên cần xử phạt tù bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 420/KL-KTHS ngày 18/3/2025;

- Trả lại 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei: 869802062576177 cho Lê Huy N do không liên quan đến vụ án;

- 01 (Một) xe mô tô hiệu Suzuki Satria, biển số 60F2-805.51 là T sản của anh Nguyễn Anh T, do không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N đã trả lại cho anh T là đúng quy định.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Hiếu đã bán ma túy cho Lê Huy N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ N chưa xác định được N thân, lai lịch nên tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Huy N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Huy N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lê Huy N **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ

luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy sau giám định đã được đựng trong phong bì niêm phong số 420/KL-KTHS ngày 18/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ N.

Trả lại 01 (Một) điện thoại di động màu vàng hiệu Oppo, số Imei: 869802062576177, đã qua sử dụng, bị bể màn hình, không kiểm tra được tình trạng bên trong cho bị cáo Lê Huy N.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 18/7/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Đ N và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đ N).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Lê Huy N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ N;
- VKSND tỉnh Đ N;
- VKSND khu vực 1 – Đ N;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đ N (PV06);
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đ N;
- Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đ N;
- Công an phường Tân Triều, tỉnh Đ N;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Bùi Thị Bích Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án N dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án N dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án N dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án N dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án N dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án N dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm N dân (quân N) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm N dân (quân N); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm N dân (quân N). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm N dân (quân N); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm N dân (quân N). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về N thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp N thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp N thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên N dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, N phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá T sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá N có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)